TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ	*Quảng Yên, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: anh Lê Văn T, sinh năm 1982. Nơi thường trú: khu G, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;

- Bị đơn: chị Phạm Thị G, sinh năm 1984. Nơi thường trú: khu G, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Phạm Thị G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Phạm Thị G.

2.2. Về con chung: anh Lê Văn T và chị Phạm Thị G có 02 con chung là: Lê Diệp P, sinh ngày 18/9/2009 và Lê Văn H, sinh ngày 08/5/2012. Giao cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là: Lê Diệp P, sinh ngày 18/9/2009 và Lê Văn H, sinh ngày 08/5/2012 cho đến khi cả hai con chung thành niên. Anh Lê Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho mỗi con chung là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở; đồng thời anh Lê Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung: anh Lê Văn T và chị Phạm Thị G không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: anh Lê Văn T và chị Phạm Thị G không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: anh Lê Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003822 ngày 17/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Anh Lê Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp anh Lê Văn T vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo thời hạn nêu trên thì chị Phạm Thị G có quyền ngay lập tức liên hệ cơ quan thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày chị Phạm Thị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì anh Lê Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS thị xã Quảng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Phúc Định